**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNGHÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18-01-2024
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*Bà Lê Thị Hồng Phương.
*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Phương Thúy.
Ông Đặng Bắc.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyêntham gia phiên tòa*:Bà Đỗ Thị Thu Thủy– Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Anh Lương Minh P, sinh năm 1994.
Nơi đăng ký HKTT: Tổ B, phường N, quận L, thành phố Hà Nội.
Nơi ở hiện tại: T, Adachi-ku, toneri 2-16-10 co-ling house minumadai 103, Nhật Bản. Có đơn xin xử vắng mặt.

**2. Bị đơn**: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1997.
NƠi đăng ký HKTT: Xóm T, xã T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Có đơn xin xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn anh Lương Minh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Minh P và chị Nguyễn Thị L kết hôn năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận L, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn anh và chị L sinh sống tại tổ B, phường N, quận L, thành phố Hà Nội. Nhưng một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ nhiều nguyên nhân khác nhau, tính cách của hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Tháng 10 năm 2019 anh P sang Nhật Bản làm ăn và sinh sống, chị L trở về Thái Nguyên để làm ăn và sinh sống. Do khoảng cách xa xôi vợ

chồng không có điều kiện gần gũi, chia sẻ, quan tâm đến nhau. Từ đầu năm 2020 mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lương Nhật H, sinh ngày 07/9/2018 hiện nay đang ở cùng chị L. Khi ly hôn anh P đồng ý giao con Lương Nhật H cho chị L trực tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 4.000.000đồng/01 tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Về quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung đúng như anh P trình bày. Đối với việc anh P làm đơn ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn với anh P.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lương Nhật H, sinh ngày 07/9/2018, khi ly hôn chị L xin được nuôi con chung, anh P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng/1 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị L xác định không có, không đề nghị xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại Điều 68, 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lương Minh P, cho anh P được ly hôn chị Nguyễn Thị L.Về con chung: Giao cháu Lương Nhật H, sinh ngày 07/9/2018, cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận anh Lương Minh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị L mỗi tháng 4.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung hai bên đều xác định không có nên không giải quyết. Anh P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lương Minh P là nguyên đơn có nơi đăng ký HKTT: Tổ B, phường N, quận L, thành phố Hà Nội. Nơi ở hiện tại: T, Adachi-ku, toneri 2-16-10 co-ling house minumadai 103, Nhật Bản. Chị Nguyễn Thị L là bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Xóm B, xã P, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Tài liệu anh P gửi về Việt Nam gồm đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, hộ

chiếu, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đều được xác nhận của Đ tại Nhật Bản. Do vậy, có đủ cơ sở xác định nội dung các văn bản của anh Lương Minh P nộp tại Tòa án là đúng ý chí, nguyện vọng của anh P.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.Vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Anh P và chị L đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa anh Lương Minh P và chị Nguyễn Thị L trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận L, thành phố Hà Nội, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, anh P và chị L đều xác định là do trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và không còn tình cảm vợ chồng. Anh P xin ly hôn chị L nhất trí. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Lương Minh P và chị Nguyễn Thị L đã trầm trọng,mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai anh chị đều nhất trí ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P, cho anh P được ly hôn với chị Nguyễn Thị L là phù hợp thực tế và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[3] Về con chung: Anh Lương Minh P và chị Nguyễn Thị L có 01 con chung là Lương Nhật H, sinh ngày 07/9/2018, khi ly hôn anh P nhất trí để chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng/1 tháng. Hội đồng xét xử thấy, cháu Lương Nhật H hiện nay đang ở cùng L. Chị L và anh P đều thống nhất giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, đảm bảo đúng các quy định tại Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng/1 tháng, chị L nhất trí. Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh P có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh P và chị L đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không giải quyết.

Án phí: Anh P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về đường lối giải quyết vụ án được đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28; 37; khoản 2 Điều 38; Điều 147; Điều 207; Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51;56; 81;

82; 83 Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lương Minh P đối với chị Nguyễn Thị L.

1. Về hôn nhân: Cho anh Lương Minh P được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là Lương Nhật H, sinh ngày 07/9/2018, cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Lương Minh P có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lương Minh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là Lương Nhật H, sinh ngày 07/9/2018 cho chị Nguyễn Thị L mỗi tháng là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Án phí: Anh Lương Minh P phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ly hôn đã nộp, biên lai số 0000051 ngày 07/12/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Anh Lương Minh P phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách nhà Nước.

Anh Lương Minh P được quyền kháng cáo bản án trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản sao bản án. Chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

***(Đã ký)***
**Lê Thị Hồng Phương**

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh;*
- *CụcTHADS tỉnh;*
- *UBND phường N, quận L, Hà Nội*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*